**TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HƯNG**

**TIẾT 106,107**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN NGỮ VĂN 7**

**(Thời gian làm bài 90 phút)**

**Năm học 2023-2024**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức***

- Xác định được mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- Nhận biết được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.

***2.Về năng lực***

***\*Năng lực chung*** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

***\* Năng lực đặc thù*** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản (VB) và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm VB.

- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn để đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn VB.

- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận vê' một vấn đề trong đời sống.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đế đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

***3. Về phẩm chất***

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**-** Có trách nhiệm với bản thân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời minh.

- Ham tìm hiểu văn học, tìm hiểu đời sống để nâng cao hiểu biết.

**1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7 ( BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| Văn bản nghị luận |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một hiện tượng trong đời sống xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: *NGỮ VĂN LỚP 7***

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
|  |  | Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng thấp:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng | 1\*TL | 1\* TL | 1\* TL | 1\* TL |

**TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HƯNG KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI Môn Ngữ văn 7**

**Năm học 2023-2024**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm) Đọc đoạn trích sau:

*“Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói ngồi chuyện gẫu với nhau. Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó như thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biếu người quản voi, xin cho voi dừng lại để cùng xem.*

*Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ ngà, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ đuôi.*

*Đoạn, năm thầy ngồi bàn tán với nhau*

*Thầy sờ vòi bảo:*

*- Tưởng con voi nó thế nào, hoá ra nó sun sun như con đỉa.*

*Thầy sờ ngà bảo:*

*- Không phải! Nó chần chẫn như cái đòn càn”*

(Trích:*Truyện ngụ ngôn – Thầy bói xem voi .* )

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Nhân vật chính trong truyện ngụ ngôn trên là năm ông thầy bói?

A. Đúng

B. Sai

Câu 2. Thời gian diễn ra sự việc xem voi?

A. Vào buổi sáng đẹp trời

B. Vào buổi trưa mùa hạ

C. Vào buổi chiều muộn

D. Nhân buổi ế hàng

Câu 3. Từ in đậm trong câu: “ *Nhân buổi ế hàng,* ***năm*** *ông thầy bói ngồi chuyện gẫu với nhau ’* là:

A. Danh từ

B. Động từ

C. Số từ

D. Phó từ

Câu 4. Từ Hán Việt đồng nghĩa với từ “quản voi”

A. Quản tượng.

B. Quản lí.

C. Quản trị.

D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 5. Nghĩa của từ *bàn tán* trong câu: *Đoạn, năm thầy ngồi bàn tán với nhau* là: Bàn bạc một cách rộng rãi, không có tổ chức và không đi đến kết luận.

A. Đúng

B. Sai

Câu 6. Cách nhìn nhận sự việc của năm ông thầy bói?

A. Sâu sắc, toàn diện

B. Chủ quan, phiến diện

C. Cả A,B đều đúng

D. Cả A,B đều sai

Câu 7. Tác dụng của phép lặp được sử dụng trong những câu văn sau: “ *“Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói ngồi chuyện gẫu với nhau. Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó như thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biếu người quản voi, xin cho voi dừng lại để cùng xem.*

A. Tạo ra sự liên kết câu

B. Tăng giá trị biểu đạt

C. Làm cho câu văn trở lên sinh động

D. Tất cả đều sai.

Câu 8. Tóm tắt ngắn gọn nội dung của văn bản?

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

Câu 9. Bài học em nhận được từ đoạn trích trên?

Câu 10. Truyện ngụ ngôn thầy bói xem voi đã mang đến bài học sâu sắc về cách nhìn nhận,đánh giá sự vật, sự việc của con người trong cuộc sống. Em có đồng tình với quan điểm đó không? Vì sao?

Phần II. Viết (4 điểm)

Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng ăn quà vặt của học sinh hiện nay.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | Học sinh tự bày tỏ | 0,5 |
|  | **9** | - HS : Cách nhìn sự vật một cách toàn diện . Biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến những người xung quanh. | 1,0 |
|  | **10** | - Hs tự bộc lộ . | 1,0 |

Phần II .Làm văn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hình thức*** | Bố cục đủ 3 phần MB-TB-KB  Phần thân bài chia đoạn hợp lý theo luận điểm  Chữ viết sạch sẽ, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả | 0.5 đ |
| ***Kĩ năng*** | Đúng kiểu bài văn nghị luận: Luận điểm rõ ràng, có dẫn chứng lý lẽ phù hợp, lập luận chặt chẽ… | 0.5 đ |
| ***Nội dung*** | **A/ Mở bài:**  Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: vấn đề ăn quà vặt hiện nay của học sinh.  **2. Thân bài**  a. Thực trạng  Trên lớp không khó bắt gặp sau những giờ học rất nhiều giấy rác được xả ra nền nhà; trong thùng rác góc lớp. Hằng ngày trực nhật thu được rất nhiều rác trong một lớp học.  Nhiều bạn học sinh có thói quen ăn quà vặt, sáng muộn giờ nên mang đồ ăn lên lớp, ăn xong tiện tay xả rác ở mọi nơi.  Sau những giờ liên hoan, không khó để nhìn thấy rác thải vứt lung tung.  b. Nguyên nhân  Do ý thức của các bạn học sinh chưa cao: các bạn cho rằng đã có cô chú lao công dọn dẹp; chưa nhận thức được những hệ quả của việc xả rác; chưa ý thức được trách nhiệm của bản thân mình đối với môi trường.  Nguyên nhân khách quan: do sự thiếu sót của cha mẹ trong việc dạy dỗ các em về ý thức thu gom rác thải; do điều kiện ngoại cảnh (không có đủ thùng chứa rác,…).  c. Hậu quả  Rác thải bị xả ra môi trường ngày càng nhiều gây ô nhiễm môi trường ngày càng nặng nề ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của con người.  Việc xả rác gây lỗ hổng trong nhận thức và hành động của các em học sinh, từ đó gây nên một thói quen xấu cho thế hệ tương lai.  d. Giải pháp  Trước hết, mỗi cá nhân người học sinh cần có ý thức tự giác, bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi, biết phân loại và thu gom rác thải không chỉ của mình mà còn biết thu gom những rác thải ngoài môi trường.  Gia đình cần giáo dục các em thói quen thu gom rác, hạn chế xả rác ra môi trường; dạy các em về những tác hại của rác thải và các biện pháp để bảo vệ môi trường.  Nhà trường và xã hội có biện pháp giáo dục, tuyên truyền đến thế hệ trẻ việc bảo vệ môi trường sống.  **3. Kết bài**  Khái quát lại vấn đề nghị luận: vấn đề ăn quà vặt hiện nay của học sinh và rút ra bài học cho bản thân. | 0.25 đ  0.25 đ  0,5d  0.5 đ  0.25 đ  0.25 đ |
| Sáng tạo | - Có những dẫn chứng thuyết phục; lập luận thuyết phục, chặt chẽ; có thêm luận điểm mở rộng… | 0.5 đ |

**Ban giám hiệu Tổ chuyên môn Giáo viên**